

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bào	Thành viên
Ông Trần Hữu Thành	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hải Sơn	Trưởng ban
Ông Quản Xuân Bình	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Thúy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Kinh Doanh
Ông Hồ Hữu Nhấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thu Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Số: 18.326/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Lộ Nguyễn Thúy Phượng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1191-2018-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.098.456.360	133.565.771.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	20.151.722.809	50.771.843.116
1. Tiền	111		12.151.722.809	7.564.821.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	43.207.021.494
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.440.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.440.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.478.300.809	53.655.132.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	52.993.384.885	50.505.287.684
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		413.497.000	1.559.761.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	29.262.547.506	16.828.823.377
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(18.191.128.582)	(15.238.740.119)
IV. Hàng tồn kho	140		16.628.692.384	8.473.353.048
1. Hàng tồn kho	141	4.6	16.628.692.384	8.473.353.048
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		839.740.358	225.443.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		839.740.358	225.443.050
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.851.888.837	104.281.744.239
I. Tài sản cố định	220		16.851.888.837	20.281.744.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	12.745.299.383	16.175.154.785
Nguyên giá	222		42.516.878.092	41.289.841.730
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.771.578.709)	(25.114.686.945)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	4.106.589.454	4.106.589.454
Nguyên giá	228		4.106.589.454	4.106.589.454
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.000.000.000	84.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	84.000.000.000	84.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		202.950.345.197	237.847.515.515

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		113.044.198.735	150.091.780.008
I. Nợ ngắn hạn	310		84.244.198.735	99.355.529.100
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	16.022.664.007	17.216.719.035
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.210.494.687	33.712.298.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.675.505.403	3.230.284.491
4. Phải trả người lao động	314		5.178.777.000	6.684.867.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		311.898.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	25.281.544.446	31.422.059.809
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	-	2.181.507.532
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.12	5.003.147.226	4.200.847.518
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		560.167.966	706.944.966
II. Nợ dài hạn	330		28.800.000.000	50.736.250.908
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	28.800.000.000	50.736.250.908
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.906.146.462	87.755.735.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	89.906.146.462	87.755.735.507
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.139.015.507	28.618.097.624
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.200.000.000	4.200.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.567.130.955	12.937.637.883
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.567.130.955	12.937.637.883
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		202.950.345.197	237.847.515.515



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI IIĐịa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	116.535.936.472	148.482.326.262
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		116.535.936.472	148.482.326.262
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	88.304.697.860	114.473.660.926
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.231.238.612	34.008.665.336
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.269.809.604	5.889.552.573
6. Chi phí tài chính	22		442.980.000	38.832.484
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		442.980.000	7.833.870
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	17.816.856.308	22.646.099.753
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.241.211.908	17.213.285.672
9. Thu nhập khác	31		3.464.000	-
10. Chi phí khác	32		-	187.627.249
11. Lợi nhuận khác	40		3.464.000	(187.627.249)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.244.675.908	17.025.658.423
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	2.677.544.953	4.088.020.540
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.567.130.955	12.937.637.883



Th.s Bùi Hữu Quỳnh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Ngô Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.244.675.908	17.025.658.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	4.656.891.764	4.526.543.199
Các khoản dự phòng	03	5.5	3.754.688.171	5.686.215.663
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(87.008.916)	657.129
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(3.182.800.688)	(5.889.552.573)
Chi phí lãi vay	06		442.980.000	7.833.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.829.426.239	21.357.355.711
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.775.557.210)	27.500.882.961
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.155.339.336)	10.059.478.877
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.067.388.789)	(26.039.718.151)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(614.297.308)	195.586.654
Tiền lãi vay đã trả	14		(442.980.000)	(7.833.870)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(4.174.582.705)	(4.637.605.734)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.360.591.975
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(163.497.000)	(26.216.229.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.564.216.109)	6.572.508.501
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.227.036.362)	(5.488.220.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(25.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.440.000.000	50.232.125.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.182.800.688	5.889.552.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.395.764.326	1.133.457.573

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	28.800.000.000	28.990.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(52.917.758.440)	(30.100.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.4	(8.420.919.000)	(12.685.744.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.538.677.440)	(13.795.744.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(30.707.129.223)	(6.089.777.926)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		50.771.843.116	56.862.278.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		87.008.916	(657.129)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	20.151.722.809	50.771.843.116



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 260 (31/12/2016: 257).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi, thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng. Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Đo đạc bản đồ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất- nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác.
- Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Phước Hòa	461, đường 30/4, Phường Phú Thọ, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	70%	70%	70%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2017

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.10. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	392.416.861	118.431.231
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.759.305.948	7.446.390.391
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	43.207.021.494
Cộng	<u>20.151.722.809</u>	<u>50.771.843.116</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4.3% đến 4.8%.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư góp vốn vào công ty con

Tại ngày 31/12/2017
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phước Hòa	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-	-

Tại ngày 01/01/2017
VND

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH MTV 17	16.111.308.484	16.111.308.484
Các khách hàng khác	36.503.822.401	34.015.725.200
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	378.254.000	378.254.000
Cộng	52.993.384.885	50.505.287.684

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	16.106.096.511	-	232.094.868	-
Phải thu thanh toán khoán	126.608.695	-	882.259.936	-
Ký cược, ký quỹ	13.011.375.400	-	15.696.941.374	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	18.367.100	-	9.932.567	-
Phải thu khác	99.800	-	7.594.632	-
Cộng	29.262.547.506	-	16.828.823.377	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	32.057.256.946	13.866.128.364	28.053.557.939	12.814.817.820

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI IIĐịa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP	3.569.024.800	2.498.317.360	-	-
				Thời gian quá hạn
				Dưới 1 năm
				Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty TNHH MTV 17	13.893.743.060	6.946.871.530	13.893.743.060	9.725.620.142
				Dưới 1 năm
				Từ 1 năm đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	14.594.489.086	4.420.939.474	14.159.814.879	3.089.197.678
Cộng	32.057.256.946	13.866.128.364	28.053.557.939	12.814.817.820

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	275.065.868	-	318.487.059	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.353.626.516	-	8.154.865.989	-
Cộng	16.628.692.384	-	8.473.353.048	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI IIĐịa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	4.648.132.427	25.280.992.900	10.938.974.760	421.741.643	41.289.841.730
Mua trong năm	-	1.188.818.181	38.218.181	-	1.227.036.362
Tại ngày 31/12/2017	4.648.132.427	26.469.811.081	10.977.192.941	421.741.643	42.516.878.092
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	2.861.096.600	14.383.336.582	7.472.678.791	397.574.972	25.114.686.945
Khấu hao trong năm	95.047.362	3.538.859.935	1.012.984.465	10.000.002	4.656.891.764
Tại ngày 31/12/2017	2.956.143.962	17.922.196.517	8.485.663.256	407.574.974	29.771.578.709
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	1.787.035.827	10.897.656.318	3.466.295.969	24.166.671	16.175.154.785
Tại ngày 31/12/2017	1.691.988.465	8.547.614.564	2.491.529.685	14.166.669	12.745.299.383

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.347.047.350 đồng.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàng Minh	3.521.843.407	3.521.843.407	133.485.457	133.485.457
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	2.210.933.139	2.210.933.139	2.210.933.139	2.210.933.139
Công ty TNHH Trương Trung Thành	1.820.045.103	1.820.045.103	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển ngành nước và môi trường	1.677.361.145	1.677.361.145	2.677.361.145	2.677.361.145
Phải trả cho các đối tượng khác	6.792.481.213	6.792.481.213	12.194.939.294	12.194.939.294
Cộng	<u>16.022.664.007</u>	<u>16.022.664.007</u>	<u>17.216.719.035</u>	<u>17.216.719.035</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.373.631.151	6.289.070.405	5.997.968.812	1.082.529.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.697.843	2.677.544.953	4.174.582.705	1.612.735.595
Thuế thu nhập cá nhân	186.176.409	1.686.251.008	2.035.093.937	535.019.338
Cộng	1.675.505.403	10.652.866.366	12.207.645.454	3.230.284.491

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả về cổ phần hóa	624.322.580	645.241.580
Phải trả thanh toán khoán	24.284.709.403	30.391.760.821
Các khoản phải trả, phải nộp khác	372.512.463	385.057.408
Cộng	<u>25.281.544.446</u>	<u>31.422.059.809</u>

4.12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công, mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công và không vượt quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	2.181.507.532	2.181.507.532	2.181.507.532
Vay dài hạn	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	50.736.250.908	50.736.250.908	50.736.250.908
Cộng	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	52.917.758.440	52.917.758.440	52.917.758.440

Vay dài hạn là khoản vay của các bên liên quan – (xem thêm mục 7) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III – năm 2017 ngày 15/07/2017 và ngày 20/12/2017 với lãi suất 8,5%/năm và thời hạn vay 24 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI IIĐịa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2016	42.000.000.000	20.825.815.842	4.200.000.000	20.411.336.782	87.437.152.624	
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.937.637.883	12.937.637.883	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	7.811.336.782	-	(7.811.336.782)	-	
Cổ tức	(-)	(-)	(-)	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)	
Sử dụng quỹ	(-)	(19.055.000)	(-)	(-)	(19.055.000)	
Tại ngày 01/01/2017	42.000.000.000	28.618.097.624	4.200.000.000	12.937.637.883	87.755.735.507	
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.567.130.955	10.567.130.955	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.537.637.883	-	(4.537.637.883)	-	
Cổ tức	(-)	(-)	(-)	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)	
Sử dụng quỹ	(-)	(16.720.000)	(-)	(-)	(16.720.000)	
Tại ngày 31/12/2017	42.000.000.000	33.139.015.507	4.200.000.000	10.567.130.955	89.906.146.462	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của nhà nước	-	4.500.000.000
Ông Bùi Hữu Quỳnh	10.474.900.000	10.474.900.000
Bà Ngô Thu Hương	4.300.000.000	4.300.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.225.100.000	22.725.100.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.4. Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(8.420.919.000)	(12.685.744.000)

4.14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2017	28.618.097.624
Trích trong năm	4.537.637.883
Chi trong năm	(16.720.000)
Tại ngày 31/12/2017	33.139.015.507

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.724,6	2.734,32
EUR	28.998,84	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu dịch vụ cung cấp trong năm.

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	3.182.800.688	5.889.552.573
Lãi chênh lệch tỷ giá	87.008.916	-
Cộng	3.269.809.604	5.889.552.573

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.064.457.147	11.336.221.792
Chi phí vật liệu quản lý	531.923.608	614.670.197
Chi phí đồ dùng văn phòng	252.191.017	344.166.086
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.137.652.994	1.514.588.044
Thuế, phí và lệ phí	209.426.000	139.396.000
Chi phí dự phòng	2.952.388.463	5.070.394.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.188.642.366	3.043.483.696
Chi phí bằng tiền khác	480.174.713	583.179.559
Cộng	17.816.856.308	22.646.099.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.949.292.978	23.497.189.674
Chi phí nhân công	51.055.344.647	57.113.942.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.656.891.764	4.526.543.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.266.571.281	34.497.921.799
Chi phí khác bằng tiền	4.637.525.854	1.696.897.541
Chi phí dự phòng	3.754.688.171	5.686.215.663
Cộng	<u>114.320.314.695</u>	<u>127.018.710.593</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.244.675.908	17.025.658.423
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo luật thuế TNDN	143.048.856	436.831.673
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	13.387.724.764	17.462.490.096
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.677.544.953	3.492.498.019
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	595.522.521
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>2.677.544.953</u>	<u>4.088.020.540</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như chi phí khấu hao vượt mức quy định...

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	28.800.000.000	28.990.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(52.917.758.440)	(30.100.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Phước Hòa
2. Th.s Bùi Hữu Quỳnh
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty Con
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Cổ
đồng có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng – xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Phước Hòa	378.254.000	378.254.000

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vay dài hạn:		
Ông Bùi Hữu Quỳnh – TGD	9.000.000.000	-
Ông Trần Văn Hiến – PTGD	13.800.000.000	-
Ông Trần Hữu Thành – Thành viên HĐQT	6.000.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.13	<u>28.800.000.000</u>	<u>-</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vay các bên liên quan:		
Ông Bùi Hữu Quỳnh – TGD	9.000.000.000	-
Ông Trần Văn Hiến – PTGD	13.800.000.000	-
Ông Trần Hữu Thành – Thành viên HĐQT	6.000.000.000	-
Cộng	<u>28.800.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	276.000.000	276.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.469.881.000	3.665.605.000
Cộng	2.745.881.000	3.941.605.000

8. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao của Ban kiểm soát	114.000.000	114.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Ngô Thu Hương
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập